

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 5 – 2025

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Mỹ Lil

2. Bà Lê Trường An

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trịnh Văn Th, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.T, xã K.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.T, xã K.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 17/3/2025 và đơn đề nghị vắng mặt ngày 09/4/2025, anh Trịnh Văn Th trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị A xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K.L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, anh Th cho rằng tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc nên anh và chị A

không còn chung sống vợ chồng nhiều năm qua. Do đó, anh xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

- Về con chung: Anh Th xác định giữa anh và chị A có 01 người con chung là Trịnh Thành T, sinh ngày 02/8/2018, hiện đang sống chung với chị anh. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Th xác định không có T sản chung.

- Về nợ chung: Anh Th khai rằng giữa vợ, chồng anh không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng anh.

* Trong đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/4/2025, chị Nguyễn Thị A trình bày: Về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như anh Th trình bày. Chị thống nhất các vấn đề trong đơn yêu cầu ly hôn của anh Th đặt ra. Do điều kiện công việc làm ăn ở xa nên chị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa anh Trịnh Văn Th và chị Nguyễn Thị A là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của anh Th và chị A, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị A theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn Th và chị Nguyễn Thị A xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa anh Th và chị A là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, thực tế anh chị không còn sống chung vợ chồng nhiều năm qua, đồng thời chị A thống nhất ly hôn với anh Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trịnh Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh Th và chị A thỏa thuận giao cháu Trịnh Thành T, sinh ngày 02/8/2018 cho chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị A không đặt ra yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Th và chị A xác định không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Th và chị A khai rằng giữa anh, chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Văn Th về việc ly hôn chị Nguyễn Thị A.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Thành T, sinh ngày 02/8/2018 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Trịnh Văn Th không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về T sản chung: Anh Th và chị A xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Th và chị A khai rằng giữa anh, chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, Anh Trịnh Văn Th phải chịu 300.000đ. Ngày 09 tháng 4 năm 2025, anh Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 5436 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Trịnh Văn Th và chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã K.L, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải